

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/HC-PT
Ngày: 10/9/2020.
V/v khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương .

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 203/2020/TLPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 35/2019/HC-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6467/2020/QĐPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Thái Bá C, sinh năm 1958; trú tại: Khố x, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Z. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Bá C: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khố V, phường P, thành phố Q, tỉnh Z. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Quốc Th – Luật sư văn phòng luật sư số 2 – Đoàn luật sư tỉnh Z; Địa chỉ: Số t, MĐ, phường LM, thành phố Q, tỉnh Z. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn R – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Z; Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Y, tỉnh Z;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hữu A – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Y, tỉnh Z; Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Thái Thị O; địa chỉ: xã DP, huyện DC, tỉnh Z; Người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị O: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khối V, phường P, thành phố Q, tỉnh Z. Có mặt.

3. Ông Thái Bá I; địa chỉ: Khu tập thể E, phường NT, quận G, Hà Nội;

4. Ông Thái Bá K; địa chỉ: Khoa U, trường F, Hà Nội;

5. Người đại diện theo ủy quyền của, ông Thái Bá I, ông Thái Bá K là ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khối V, phường P, thành phố Q, tỉnh Z theo giấy ủy quyền ngày 17/10/2019. Có mặt.

6. Ông Trần Ngọc Vg và bà Tô Thị L;

7. Ông Nguyễn Đức B và bà Hoàng Thị Tg;

8. Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị S;

9. Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị Li;

Cùng trú tại: Khối c, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Z.

Ông Trần Ngọc Vg, bà Trần Thị Li, bà Nguyễn Thị S, bà Hoàng Thị Tg - Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Thái Bá C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/9/2016 Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Y ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND về phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng nút giao khắc mức giữa quốc lộ 1A với Quốc lộ 48B nối từ nút giao đến Cảng Lạch Quên (đợt 3) cho 04 hộ gồm hộ ông Nguyễn Đức B, ông Lê Văn T, ông Phạm Văn Đ và ông Trần Ngọc Vg. Sau khi ông Thái Bá C biết đã làm đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Y. Ngày 13/10/2017 Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Công văn số 1799/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân với nội dung “Việc ông Thái Bá C yêu cầu lập hồ sơ đền bù cho gia đình ông phần diện tích đất giáp Quốc lộ 48B của các hộ Lê Văn T, Trần Ngọc Vg, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức B và yêu cầu được đền bù phần diện tích đất đã giải tỏa hành lang đường giao thông từ năm 1991, diện tích 220m² là không có cơ sở.”

Ngày 25/7/2018 ông Thái Bá C là đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: yêu cầu Hủy Vãn bản số 1799/UBND-TNMT ngày 13/10/2017 của UBND huyện Y về việc trả lời đơn thư công dân; Hủy Quyết định phê duyệt số 1662 /QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng

dự án: Xây dựng nút giao khác mức giữa QL1 với QL48B và đoạn QL48B nối từ nút giao đến cảng Lạch Quèn (đoạn qua thị trấn X –đợt 3) và lập phương án bồi thường cho bố mẹ ông C là Ông Thái Bá Qn và bà Đặng Thị Vn (bố mẹ ông Thái Bá C)

Lý do khởi kiện: Nội dung văn bản 1799/UBND-TNMT ngày 13/10/2017 của UBND huyện Y về việc trả lời đơn của công dân là không đúng quy định, vì nhà nước bồi thường cho 4 hộ ông Nguyễn Đức B, Lê Văn T, Phạm Văn Đ, Trần Ngọc Vg là không phải đất thu hồi của 4 hộ đó. Vì căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, GCNQSD đất và phiếu xác nhận kết quả đo đạc thì toàn bộ diện tích thu hồi được bồi thường là đất thổ cư của bố, mẹ ông có từ năm 1954, năm 1991 thực hiện nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng về điều lệ ban hành bộ. Nhà nước đã cấm mốc hành lang giao thông làm mất của bố, mẹ ông 220m² đất, nhưng chưa được bồi thường. Sau khi nhà nước lấy đất của bố mẹ ông C để làm hành lang giao thông khi bố mẹ ông C cho con đã trừ phần đất hành lang giao thông và các con ông Qn đã bán cho 4 hộ nêu trên cũng không nằm trong hành lang giao thông không được cấm mốc. Nên không thể căn cứ khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 79 luật đất đai 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Đất của các hộ gia đình mà anh em ông C bán thì cũng không bị giảm diện tích so với Hợp đồng bán đất cho 4 hộ trên. Thực chất số diện tích mà Ủy ban nhân dân huyện Y bồi thường và trả tiền bồi không đủ điều kiện được bồi thường.

Đất bố mẹ ông đã sử dụng từ trước ngày 21/12/1982 đến thời điểm thực hiện dự án không lần chiếm và không thuộc diện tái lần chiếm qua các lần giải tỏa và chưa được bồi thường khi thực hiện dự án. Khi xem xét bồi thường là xem xét đến nguồn gốc đất. Chủ trương bồi thường của nhà nước là chỉ bồi thường cho hộ cá nhân có đất trước ngày 21/12/1982. Vì vậy, bố mẹ ông C mới có đủ điều kiện để bồi thường. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Phía người bị kiện đại diện được ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày: Về nguồn gốc sử dụng đất, quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn cứ pháp lý để khẳng định ông Thái Bá C và các anh chị em trong gia đình không thuộc đối tượng và không đủ điều kiện được đền bù đối với phần diện tích đất giáp Quốc lộ 48B của các hộ ông Lê Văn T, Trần Ngọc Vg, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức B đã được Ủy ban nhân dân huyện Y trả lời cụ thể tại công văn 1799/UBND-TNMT ngày 13/10/2017

Việc ông Thái Bá C yêu cầu nhà nước lập hồ sơ đền bù phần diện tích đất giáp Quốc lộ 48B của các hộ Lê Văn T, Trần Ngọc Vg, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức B cho bố mẹ ông C là không có cơ sở.

Về việc ban hành Công Văn số 1799/UBND-TNMT ngày 13/10/2017 và Quyết định phê duyệt số 1662 /QĐ-UBND ngày 01/9/2016 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Bá C.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn T, ông Phạm Văn Đ, ông Nguyễn Đức B, Trần Ngọc Vg trình bày: Các hộ gia đình đã mua các thửa đất đúng quy định và đều giáp đường quốc lộ 48E, 04 hộ gia đình đã sử dụng thửa đất từ khi mua cho đến khi nhà nước thu hồi. Các hộ xung quanh đều mua đất như 4 hộ gia đình trên nhưng không có ai kiện cáo gì. 04 hộ gia đình cũng không mua đất của ông C. Vì vậy, ông Thái Bá C không có quyền gì để khởi kiện yêu cầu nhà nước không được bồi thường cho 04 hộ gia đình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 04/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 22, khoản 5 Điều 26; Điều 75; khoản 2 Điều 77; Điều 79; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai. Khoản 2,3,4 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định quy định về hỗ trợ bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 32, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Bá C đề nghị hủy: Công văn số 1799/-UBND-TNMT ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Thái Bá C; Quyết định phê duyệt số 1662/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng nút giao khác mức giữa QL1 với QL48B và đoạn QL48B nối từ nút giao đến cảng Lạch Quèn (đoạn qua thị trấn X –đợt 3) và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Y lập phương án bồi thường đất cho ông Thái Bá Qn và bà Đặng Thị Vn (bố mẹ ông Thái Bá C).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/11/2019, ông Thái Bá C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Thái Bá C, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên tòa phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về đối tượng khởi kiện: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính. Người khởi kiện yêu cầu xem xét hủy bỏ quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng địa bàn tỉnh Z, nên Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tính từ ngày 27/7/2018 ông Thái Bá C làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy Công văn số 1799/UBND-TNMT ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y, đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý giải quyết.

[3] Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

[3.1]. Đối với văn bản số 1799/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y (về việc trả lời đơn công dân).

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ông Thái Bá C có đơn khiếu nại, Phó Chủ tịch UBND huyện Y đã thay mặt UBND huyện Y ban hành Công văn số 1799/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc trả lời đơn của công dân là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại. Tuy nhiên, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nhưng UBND huyện Y cần rút kinh nghiệm.

[3.2]. Về nội dung: Tại phiên tòa cũng như lời khai của ông Thái Bá C trong quá trình làm việc và hồ sơ của quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Y cũng như công văn số 6664/STNMT-TTr đều thể hiện:

Về nguồn gốc đất: Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông C là ông Thái Bá Qn và bà Đặng Thị Vn sinh sống và ở từ năm 1954. Năm 1992 thực hiện Nghị định 36/CP của chính phủ về giải tỏa hành lang an toàn giao thông với sự vận động của các cơ quan chính quyền, gia đình đã tự tháo dỡ 02 kiốt, 01 bể cạn 12m² và một số cây ăn quả, trả lại đất đất cho nhà nước theo môc an toàn giao thông, nhưng chưa được bồi thường về đất, chưa có quyết định thu hồi của nhà nước và cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, diện tích 220 m² đang khởi kiện gia đình ông Thái Bá Qn, bà Đặng Thị Vn đã giao cho UBND huyện Y làm hành lang giao thông từ năm 1991. Theo biên bản họp gia đình ngày 30/7/1993 gồm ông Thái Bá Qn, bà Đặng Thị Vn, bà Thái Thị O, ông Thái Bá C, ông Thái Bá I, bà Trần Thị Th đã phân chia nhà đất ở cho các thành viên trong gia đình. Việc phân chia này đã trừ hành lang giao thông.

Tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án có nguồn gốc đất là của ông Thái Bá Qn và bà Đặng Thị Vn, nhưng ông Qn bà Vn đã chấp nhận để nhà nước chuyển sang đất hành lang giao thông từ năm 1991. Cũng từ năm 1991 đến năm 2005 bà Vn chết đến năm 2016 ông Qn chết, ông bà không sử dụng đất và không khiếu nại việc nhà nước lấy đất. Theo khoản 5 Điều 26 luật đất đai năm 2013 quy định “ Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất được giao theo quy

định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai...”.

[3.3]. Quá trình sử dụng đất, các con ông Qn, bà Vn sau khi được chia đất đã chuyển nhượng như sau:

- Ông Thái Bá C đã chuyển nhượng cho ông Trần Quang J ngày 01/02/1994 với diện tích 136,8m², sau đó ông J chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Lê Văn T theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/3/1999 có diện tích 134 m².

- Bà Thái Thị O đã chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho ông Lê Đức Pb ngày 25/4/1995 với diện tích 110,9 m². Ngày 18/8/2003 ông Lê Đức Pb ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích 110,9 m² cho ông Trần Ngọc Vg.

- Ông Thái Bá Qn và bà Đặng Thị Vn chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho ông Phạm Văn Đ theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 16/6/1995 với diện tích 117,0 m².

- Bà Trần Thị Th chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Đức B (vợ là Hoàng Thị Tg) theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 16/2/2000 có diện tích 144 m².

Theo hiện trạng đo vẽ, trích lục bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 56/2016/BĐ ĐC/VPĐK tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện lập ngày 04/11/2016 thì:

- Diện tích của gia đình ông Lê Văn T có diện tích 161,9 m² tăng so với diện tích khi chuyển nhượng là 29,9 m²; Diện tích bị thu hồi: 30,1 m²

- Diện tích của gia đình ông Trần Ngọc Vg có diện tích 130,8 m² tăng so với diện tích khi chuyển nhượng là 19,9 m²; Diện tích bị thu hồi: 22,8 m²

- Diện tích của gia đình ông Phạm Văn Đ có diện tích 137,8 m² tăng so với diện tích khi chuyển nhượng là 20,8 m²; Diện tích bị thu hồi: 23,4 m²

- Diện tích của gia đình ông Nguyễn Đức B có diện tích 163,3 m² tăng so với diện tích khi chuyển nhượng là 19,6 m²; Diện tích bị thu hồi: 27,8 m²

Việc chuyển nhượng đất giữa các gia đình nêu trên là chuyển nhượng nguyên thửa đã có ranh giới cụ thể rõ ràng. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều sau thời điểm ngày 15/10/1993 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận đã cấp Giấy chứng nhận cho người được chuyển nhượng đất sử dụng. Tại thời điểm thu hồi đất các con ông Qn, bà Vn cũng không sử dụng đất nên không phải thu hồi đất của các con ông Qn, bà Vn. Chủ tịch UBND huyện Y đã kết luận ông Thái Bá C và các anh chị em trong gia đình không thuộc đối tượng và không đủ điều kiện được đền bù đối với phần diện tích đất đất Quốc lộ 48 B của các hộ Lê Văn T, Trần Ngọc Vg, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức B là đúng với quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai; Khoản 2,3,4 Điều 12 Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014.

Như vậy, Công văn số 1799/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 được Chủ tịch UBND huyện Y ban hành có vi phạm về hình thức, nhưng nội dung giải quyết đúng quy định của pháp luật nên không cần thiết phải là hủy Công

văn số 1799/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 như yêu cầu của người khởi kiện.

[4]. Về yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt số 1662 /QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng nút giao khác mức giữa QL1 với QL48B và đoạn QL48B nối từ nút giao đến cảng Lạch Quên (đoạn qua thị trấn X –đợt 3).

Xét thấy: Tại thời điểm thu hồi đất các con ông Qn, bà Vn trong đó có ông Thái Bá C không sử dụng phần đất hành lang giao thông, phần đất ông Thái Bá C yêu cầu bồi thường bố mẹ ông C đã định đoạt trước khi chết. Trước khi chết ông Qn Bà Vn (bố mẹ ông C) không khiếu nại hay khởi kiện do đó các con ông Qn bà Vn không được thừa kế quyền khởi kiện. Quá trình khởi kiện người khởi kiện (ông Thái Bá C) không cung cấp được tài liệu nào đất giáp đường 48 ông C yêu cầu lập phương án bồi thường là đất thừa kế của bố mẹ để lại để chứng minh quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người liên quan (các con ông Qn bà Vn) bị xâm phạm. Do đó, các con ông Qn bà Vn yêu cầu bồi thường là không có căn cứ, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định phê duyệt số 1662 /QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng nút giao khác mức giữa QL1 với QL48B và đoạn QL48B nối từ nút giao đến cảng Lạch Quên (đoạn qua thị trấn X –đợt 3). Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: *“Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này;..”*.

Như vậy, vì từ sau năm 1993 gia đình ông C và bà Thái Thị O, ông Thái Bá I, ông Thái Bá K không sử dụng, quản lý phần diện tích bóm mặt đường QL 48 B, phần diện tích này là hành lang giao thông do Nhà nước quản lý. Vì thế, gia đình ông C không đủ điều kiện được bồi thường phần diện tích hành lang giao thông Nhà nước thu hồi để xây dựng nút giao khác mức giữa QL 1A với QL 48 B và đoạn QL43B. Ông C cho rằng quyền lợi của gia đình (bố mẹ ông) bị ảnh hưởng là không có căn cứ. Do đó, không có căn cứ pháp luật để hủy một phần Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2016 về việc phê duyệt phương án, giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB dự án: Xây

dựng nút giao khác mức giữa QL 1A với QL 48 B và đoạn QL43B nối từ nút giao đến cảng Lạch Quèn (Đoạn qua Thị trấn X-đợt 3) để lập phương án bồi thường 220m² đất bố mẹ ông C đã tự nguyên bản giao đất cho nhà nước làm hành lang giao thông từ năm 1991 và từ năm 1991 đến nay gia đình ông Qn bà Vn không sử dụng.

Việc nhà nước lấy đất hành lang giao thông bồi thường đất cho người khác không đúng thì ông Thái Bá C có quyền tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Thái Bá C là đúng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm, bác đơn kháng cáo của ông Thái Bá C, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

[5]. Ngoài ra, các quyết khác của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Thái Bá C là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không nhận đơn kháng cáo của ông Thái Bá C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

[2]. Án phí: Ông Thái Bá C được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Tất Nam

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Nam

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

Hoàng Mạnh Hùng

Lê Thị Thúy Bình